

**CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ
NƯỚC THẢI BẮC NINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019



Bắc Ninh, tháng 03 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

2546
CÔNG
TN
KIỂM
VA
H P

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Phương Quý	Thành viên HĐQT
Ông Lê Xuân Kháng	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Thành viên HĐQT

Ban Giám đốc:

Ông Nguyễn Xuân Quyết	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Phó Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Xuân Quyết.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

356
G T
HH
TO
CC
Ô V

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Xuân Quyết

Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Số: 094 /VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 18 tháng 03 năm 2020 từ trang 04 đến trang 18, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Văn Phòng tại Tp. Hồ Chí Minh
Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618
Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng tại Tp. Đồng Nai
Số 79 Đ. Hà Huy Tập, P. Quyết Thắng
Tp. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560
Fax: (84-251) 382 8560



Trần Tuấn Anh
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 3272-2020-156-1

Văn Phòng tại Tp. Hải Phòng
Tầng 4, số 19, Đ. Điện Biên Phủ, P. Máy Tơ
Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-225) 353 4655
Fax: (84-225) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.712.576.345	52.282.788.181
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.997.281.697	366.400.129
1. Tiền	111		6.497.281.697	366.400.129
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.000.000.000	46.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	36.000.000.000	46.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.510.110.796	4.458.989.194
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	5.138.051.415	4.318.306.189
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.869.874.000	79.807.900
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	502.185.381	60.875.105
IV. Hàng tồn kho	140	9	2.128.724.540	1.323.070.338
1. Hàng tồn kho	141		2.128.724.540	1.323.070.338
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.459.312	134.328.520
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	76.459.312	134.328.520
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.522.680.184	10.827.453.259
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	-
II. Tài sản cố định	220		8.977.940.718	10.408.056.602
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.219.533.871	9.601.750.375
- Nguyên giá	222		13.716.732.168	13.556.365.813
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.497.198.297)	(3.954.615.438)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	758.406.847	806.306.227
- Nguyên giá	228		957.987.597	957.987.597
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(199.580.750)	(151.681.370)
III. Tài sản dài hạn khác	260		544.739.466	419.396.657
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	544.739.466	419.396.657
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		71.235.256.529	63.110.241.440

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.477.615.420	9.645.436.421
I. Nợ ngắn hạn	310		12.434.615.420	9.602.436.421
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.070.708.249	1.270.667.868
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.512.178	285.701
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.422.987.590	4.601.684.834
4. Phải trả người lao động	314		4.197.290.812	3.026.989.041
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		133.794.945	334.186.267
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.061.502.445	262.584.509
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		498.819.201	106.038.201
II. Nợ dài hạn	330		43.000.000	43.000.000
1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		43.000.000	43.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.757.641.109	53.464.805.019
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	58.757.641.109	53.464.805.019
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		44.175.920.000	44.175.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		44.175.920.000	44.175.920.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(437.000.000)	(437.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.089.040.000	1.190.392.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		10.929.681.109	8.535.493.019
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		530.221.019	20.674.242
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		10.399.460.090	8.514.818.777
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		71.235.256.529	63.110.241.440



Nguyễn Xuân Quyết
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	52.205.031.849	45.148.677.383
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		52.205.031.849	45.148.677.383
3. Giá vốn hàng bán	11	18	38.002.586.103	32.168.532.205
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.202.445.746	12.980.145.178
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	3.143.405.733	1.958.227.533
6. Chi phí tài chính	22		15.654.034	-
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		15.654.034	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	4.332.235.969	4.294.849.240
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 26)	30		12.997.961.476	10.643.523.471
9. Thu nhập khác	31		1.363.636	-
10. Chi phí khác	32		-	-
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.363.636	-
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		12.999.325.112	10.643.523.471
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.599.865.022	2.128.704.694
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		10.399.460.090	8.514.818.777
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	2.378	1.779



Nguyễn Xuân Quyết
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	56.656.379.951	51.491.210.717
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(31.606.439.517)	(16.898.253.368)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.159.907.285)	(17.056.059.803)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(15.654.034)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.528.704.694)	(1.160.003.005)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	626.735.316	1.492.320.087
7. Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh	07	(4.789.348.902)	(7.379.637.622)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.183.060.835	10.489.577.006
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(41.400.000)	(3.232.508.563)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.500.000.000)	(92.300.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	55.500.000.000	85.300.000.000
4. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.143.405.733	1.958.227.533
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	13.102.005.733	(8.274.281.030)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.042.990.951	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.042.990.951)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.654.185.000)	(3.179.819.484)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.654.185.000)	(3.179.819.484)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30)	50	13.630.881.568	(964.523.508)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	366.400.129	1.330.923.637
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	13.997.281.697	366.400.129



Nguyễn Xuân Quyết
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kế toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh được tách từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Ninh và thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300898204 ngày 21 tháng 10 năm 2015.

Bắt đầu từ ngày 23/02/2017, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình Công ty Cổ phần và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 2300898204 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017.

Vốn điều lệ của Công ty là: 44.175.920.000 VND.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31/12/2019 là 142 người (Tại ngày 31/12/2018 là 128 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị, công nghiệp, nông thôn; Hệ thống xử lý rác thải, tái chế chất thải. Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

Trụ sở chính của Công ty: Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; Theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

Đối với các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là chi phí san nền được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí san nền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho thời gian 20 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí bảo hiểm cháy nổ, bảo hiểm xe ô tô. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Nợ phải trả

Nợ phải thu là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các thành viên góp vốn.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	24.594.032	24.429.322
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.472.687.665	341.970.807
Các khoản tương đương tiền (i)	7.500.000.000	-
Cộng	13.997.281.697	366.400.129

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	36.000.000.000	36.000.000.000	46.000.000.000	46.000.000.000

Ghi chú:

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng tại các Ngân hàng Thương mại cổ phần.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
UBND thành phố Bắc Ninh	1.400.700.255	3.424.658.555
Ban Quản lý các dự án các công trình chỉnh trang đô thị TP. Bắc Ninh	1.784.700.000	-
Đối tượng khác	1.952.651.160	893.647.634
Cộng	5.138.051.415	4.318.306.189
Trong đó phải thu khách hàng là bên liên quan	-	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty CP Create Capital Việt Nam	1.862.000.000	-
Công ty TNHH MTV đá Granite Thăng Lợi	1.785.000.000	-
Các đối tượng khác	222.874.000	79.807.900
Cộng	3.869.874.000	79.807.900

8. PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	62.136.000	-	55.740.000	-
Ký quỹ, bảo lãnh	183.061.000	-	-	-
Phải thu khác	256.988.381	-	5.135.105	-
Ông Cao Phan Trường	135.000.000	-	-	-
Ông Phải thu khác	121.988.381	-	5.135.105	-
Cộng	502.185.381	-	60.875.105	-

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	583.192.894	-	616.178.160	-
Công cụ, dụng cụ	52.952.500	-	78.429.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.492.579.146	-	628.463.178	-
Cộng	2.128.724.540	-	1.323.070.338	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	6.086.911.589	89.879.027	7.379.575.197	13.556.365.813
Mua trong năm	160.366.355	-	-	160.366.355
Số dư cuối năm	6.247.277.944	89.879.027	7.379.575.197	13.716.732.168
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	1.596.716.195	65.931.490	2.291.967.753	3.954.615.438
Khấu hao trong kỳ	530.561.776	10.794.394	1.001.226.689	1.542.582.859
Số dư cuối năm	2.127.277.971	76.725.884	3.293.194.442	5.497.198.297
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư đầu năm	4.490.195.394	23.947.537	5.087.607.444	9.601.750.375
Số dư cuối năm	4.119.999.973	13.153.143	4.086.380.755	8.219.533.871

Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng ngày 31/12/2019 là 1.518.085.534 (Tại ngày 31/12/2018: 33.927.273 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	957.987.597	957.987.597
Mua trong năm	-	-
Số dư cuối năm	957.987.597	957.987.597
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	151.681.370	151.681.370
Khấu hao trong năm	47.899.380	47.899.380
Số dư cuối năm	199.580.750	199.580.750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	806.306.227	806.306.227
Số dư cuối năm	758.406.847	758.406.847

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<i>a, Ngắn hạn</i>	76.459.312	134.328.520
Phân bổ công cụ, dụng cụ	57.664.680	134.328.520
Chi phí khác	18.794.632	-
<i>b, Dài hạn</i>	544.739.466	419.396.657
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (trên 1 năm)	526.773.186	394.538.104
Chi phí sửa chữa, chi phí khác	17.966.280	24.858.553

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hải Viện	593.351.000	593.351.000	217.995.993	217.995.993
Công ty TNHH Năng lượng Môi trường và Tự động hoá	301.160.592	301.160.592	-	-
Công ty TNHH Hóa chất Thanh Bình	212.190.000	212.190.000	164.956.000	164.956.000
Các đối tượng khác	964.006.657	964.006.657	887.715.875	887.715.875
Cộng	2.070.708.249	2.070.708.249	1.270.667.868	1.270.667.868
Trong đó phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.830.803.229	3.170.391.961	2.866.462.776	2.134.732.414
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.078.704.694	2.599.865.022	2.528.704.694	2.149.865.022
Thuế thu nhập cá nhân	78.602.151	331.891.939	272.103.936	138.390.154
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	613.574.760	409.049.840	1.022.624.600	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	4.601.684.834	6.514.198.762	6.692.896.006	4.422.987.590

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.005.992	11.793.304
Bảo hiểm xã hội	178.576.424	150.364.626
Bảo hiểm thất nghiệp	14.005.992	11.793.304
Phải trả theo theo Hợp đồng hợp tác liên danh - Công ty CP Xây dựng và Vật tư Thiết bị Phúc Hưng	441.691.000	-
Phải trả về cổ phần hóa	124.447	124.447
Phải trả khác	413.098.590	88.508.828
Cộng	1.061.502.445	262.584.509

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	44.175.920.000	(437.000.000)	-	4.880.381.726	48.619.301.726
Lãi trong năm	-	-	-	8.514.818.777	8.514.818.777
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.190.392.000	(4.540.267.484)	(3.349.875.484)
Giảm khác	-	-	-	(319.440.000)	(319.440.000)
Số dư đầu năm nay	44.175.920.000	(437.000.000)	1.190.392.000	8.535.493.019	53.464.805.019
Lãi trong năm	-	-	-	10.399.460.090	10.399.460.090
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	2.898.648.000	(7.686.632.000)	(4.787.984.000)
Giảm khác (ii)	-	-	-	(318.640.000)	(318.640.000)
Số dư cuối năm nay	44.175.920.000	(437.000.000)	4.089.040.000	10.929.681.109	58.757.641.109

Ghi chú:

(i) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2019/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 30/04/2019 của Đại Hội Đồng Cổ đông, theo đó:

- Trích quỹ đầu tư phát triển: 2.898.648.000 VND;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 414.092.000 VND;
- Chia cổ tức: 4.373.892.000 VND;
- Chi thù lao HĐQT và BKS: 318.640.000 VND.

Cổ tức đã trả trong năm là: 4.654.185.000 VND.

(ii) Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Vốn đã góp tại ngày 31/12/2019	
	VND	(%)
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	30.708.100.000	69,51
UBND tỉnh Bắc Ninh	9.747.820.000	22,07
Công ty CP Thoát nước và Xử lý Nước thải Bắc Ninh (Cổ phiếu quỹ)	437.000.000	0,99
Các cổ đông khác	3.283.000.000	7,43
Cộng	44.175.920.000	100

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Quản lý vận hành nhà máy và xử lý nước thải	41.645.900.026	35.559.224.894
Sửa chữa cải tạo	10.559.131.823	9.589.452.489
Cộng	52.205.031.849	45.148.677.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Quản lý vận hành nhà máy và xử lý nước thải	28.867.439.628	24.219.062.021
Sửa chữa cải tạo	9.135.146.475	7.949.470.184
Cộng	38.002.586.103	32.168.532.205

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.078.672.548	12.533.775.960
Chi phí nhân công	19.136.656.317	18.889.664.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.590.482.239	1.722.416.991
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.052.786.583	2.452.664.599
Chi phí khác bằng tiền	1.340.340.353	1.277.772.091
Cộng	43.198.938.040	36.876.293.747

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.143.405.733	1.958.227.533
Cộng	3.143.405.733	1.958.227.533

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.321.156.960	2.085.397.528
Chi phí đồ dùng văn phòng	285.763.992	366.282.875
Chi phí khấu hao TSCĐ	700.909.370	684.611.238
Thuế, phí và lệ phí	246.317.454	537.083.750
Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.368.867	271.119.265
Phân bổ lợi thế thương mại, vị trí địa lý, CCDC	459.719.326	-
Các khoản chi phí QLDN khác	-	350.354.584
Cộng	4.332.235.969	4.294.849.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	12.999.325.112	10.643.523.471
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.999.325.112	10.643.523.471
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	12.999.325.112	10.643.523.471
Thuế suất thông thường thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.599.865.022	2.128.704.694

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty xác định không có sự khác biệt giữa lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	Trình bày lại VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	10.399.460.090	8.514.818.777
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kê toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	(732.732.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.399.460.090	7.782.086.777
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.373.892	4.373.892
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.378	1.779

Ghi chú:

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 được tính sau khi điều chỉnh khoản trích quỹ khen thưởng phúc lợi 10% lợi nhuận sau thuế còn lại trích lập quỹ theo Nghị quyết đại hội cổ đông số 01/2019/NĐ-ĐHĐCĐ ngày 30/4/2019 (số năm 2018 trước trình bày lại là 1.947).

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2019 tạm tính theo lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN chưa điều chỉnh. Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2019.

24. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Cổ đông
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	973.609.699	880.542.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.



Nguyễn Xuân Quyết
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 03 năm 2020

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Kê toán trưởng

Nguyễn Vũ Thu Hoan
Người lập biểu